

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 25-03 -2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng.

Ông Nguyễn Văn Hóa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-TCDS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/QĐXXST-TCDS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Ngọc B, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 1 Phú Lễ (nay là xóm 1), xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 8 Phú Lễ (nay là xóm 10), xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 1 Phú Lễ (nay là xóm 1), xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đào:* Ông Đoàn Ngọc B (Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2021)

**- Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1991; địa chỉ: địa chỉ: Xóm 8 Phú Lễ (nay là xóm 10), xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông B; Bà Đ, chị H1 vắng mặt có lý do, anh H vắng mặt không lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 15-10-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Đoàn Ngọc B trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm quen biết nên ông Đoàn Ngọc B đã nhiều lần cho anh Trần Văn H vay tiền, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 18/3/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Lần 2: Ngày 21/3/2018 cho vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
- Lần 3: Ngày 24/3/2018 cho vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).
- Lần 4: Ngày 26/3/2018 cho vay 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).
- Lần 5: Ngày 02/4/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Lần 6: Ngày 21/4/2018 cho vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).
- Lần 7: Ngày 22/4/2018 cho vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).
- Lần 8, lần 9: Ngày 24/4/2018, cho vay 2 lần, một lần 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và một lần 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Lần 10: Ngày 25/4/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- Lần 11: Ngày 26/4/2018 cho vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).
- Lần 12: Ngày 03/5/2018 cho vay 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Lần 13: Ngày 05/5/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- Lần 14: Ngày 10/5/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Lần 15: Ngày 11/5/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tổng số tiền gốc ông B cho anh H vay là 82.500.000 đồng (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi vay anh H viết giấy biên nhận và hai bên tự thỏa thuận lãi suất, hện khi nào ông B yêu cầu thì anh H trả. Tuy nhiên, về tiền lãi anh H chỉ trả cho ông B một tháng sau lần vay cuối cùng. Khi gia đình ông B có việc cần tiền đòi nhiều lần thì anh H chây ỳ không trả và cắt liên lạc với gia đình ông. Tuy trong giấy biên nhận anh H có viết tên vợ là chị Trần Thị H1 nhưng việc này chị H1 không được biết, ông B chỉ đưa tiền cho anh H nhận nên nay ông B đề nghị Tòa án buộc anh H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số nợ gốc là 82.500.000 đồng và lãi suất trên số nợ gốc từ ngày 01/7/2018 cho đến nay theo quy định pháp luật.

\* Bị đơn là anh Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ ủy quyền cho ông Đoàn Ngọc B tham gia giải quyết vụ án theo Văn bản ủy quyền ngày

23/11/2021.

\* Người làm chứng chị Trần Thị H1 là vợ anh H có lời khai: Chị là vợ của anh Trần Văn H, việc vay nợ giữa ông B và chồng chị chị hoàn toàn không được biết. Chị H1 được xem các giấy biên nhận vay tiền thì khẳng định chữ viết chữ ký phần người vay đúng là chữ của chồng chị. Hiện nay anh H vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 8 Phú Lễ (nay là xóm 10), xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên vì điều kiện công việc của anh H đi làm cả ngày nên chị H1 nhận thay và có trách nhiệm giao tận tay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị cũng xin vắng mặt các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Ngọc B và bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn H trả nợ tiền vay; đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xóm 10, xã HC, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác lập từ ngày 18/3/2018 đến ngày 11/5/2018, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Vì đương sự không có ý kiến đề nghị áp dụng thời hiệu, các bên đương sự cho nhau vay không xác định thời hạn nên theo quy định khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu để giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Đào ủy quyền toàn bộ cho nguyên đơn là ông Đoàn Ngọc B tham gia giải quyết vụ án. Bị đơn là anh Trần Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ lịch tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng là chị H1 vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khai nhận do quan hệ hàng xóm quen biết nên đã cho anh H vay nợ nhiều lần, đến nay số tiền nợ gốc là 82.500.000 đồng (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận vay tiền ghi: Ngày 18/3/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Ngày 21/3/2018 cho vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Ngày 24/3/2018 cho vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Ngày 26/3/2018 cho vay 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng); Ngày 02/4/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Ngày 21/4/2018 cho vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); Ngày 22/4/2018 cho vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); Ngày 24/4/2018, cho vay 2 lần, một lần 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và một lần 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Ngày 25/4/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Ngày 26/4/2018 cho vay 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); Ngày 03/5/2018 cho vay 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Ngày 05/5/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Ngày 10/5/2018 cho vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Ngày 11/5/2018 cho vay 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Các giấy biên nhận vay tiền đều có chữ ký ghi tên người vay là Trần Văn H. Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4.2] Theo các giấy biên nhận vay tiền do ông Đoàn Ngọc B cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền chồng là anh Trần Văn H, vợ là chị Trần Thị H1 đã vay tiền của ông Đoàn Ngọc B, bà Trần Thị Đ nhiều lần với tổng số tiền gốc 82.500.000 đồng (Tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên phần ký nhận người vay chỉ có anh Trần Văn H ký nhận người vay nợ. Phía nguyên đơn ông Đoàn Ngọc B trong đơn khởi kiện chỉ yêu cầu anh H có trách nhiệm trả nợ khoản vay. Như vậy có cơ sở xác định giữa vợ chồng ông B, bà Đ và anh H đã có giao dịch vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh Trần Văn H không trả nợ và cố tình trốn tránh, không liên lạc với nguyên đơn để giải quyết việc vay nợ. Vì vậy cần buộc anh Trần Văn H có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 82.500.000 đồng cho ông Đoàn Ngọc B là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu anh Trần Văn H phải trả lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/7/2018 cho đến ngày xét xử vụ án. Xét thấy trong các Giấy biên nhận vay tiền, các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về lãi.

Như vậy việc các bên thỏa thuận lãi vay là có thật nhưng không xác định rõ lãi suất cụ thể. Ông B yêu cầu tính lãi, anh H không có văn bản ghi nhận ý kiến. Ngày vay cuối cùng của các bên là ngày 11/5/2018, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu phải trả lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định kể từ ngày 01/7/2018 của nguyên đơn là phù hợp, cần được chấp nhận với lãi suất được xác định là 10%/năm. Cụ thể:

Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 25/3/2022 là 03 năm + 08 tháng + 25 ngày, số tiền lãi là:

$82.500.000 \text{ đồng} \times [(03 \text{ năm} + 08 \text{ tháng} + 25 \text{ ngày}) \times 10\%/\text{năm}] = 30.815.000 \text{ đồng}$  (Ba mươi triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Vì vậy cần buộc anh Trần Văn H có trách nhiệm trả nợ số tiền lãi 30.815.000 đồng cho ông Đoàn Ngọc B là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc B về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Văn H.

Buộc anh Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Ngọc B số tiền là 113.315.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 82.500.000 đồng, tiền lãi là 30.815.000 đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Anh Trần Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.665.000 đồng (Năm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại ông Đoàn Ngọc B số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006013 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự: 03 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải Châu;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**